

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3773/2022/DS-ST

Ngày: 27/9/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Vinh

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố X Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Lê Quang Đạo, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án Nhân dân Thành phố X Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 367/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5453/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6187/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022.

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Trụ sở: Số 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Trọng L, sinh năm 1973; Chức vụ: Nhân viên; Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà X, số 444A-446 đường Cách Mạng Tháng 8, phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 1001/UQ-QLN.22 ngày 08/6/2022).

Bị đơn: ông Đặng Thành V, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 9/29 đường số 4, tổ 32, khu phố 3, phường X, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 3 năm 2022 và lời trình bày của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A trình bày.

Ngày 12/3/2020 Ngân hàng Thương mại cổ phần A (sau đây viết tắt là Ngân hàng A) ký với ông Đặng Thành V giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A, tờ trình hạn mức cấp thẻ tín dụng – tín chấp, số thẻ 4365991000465345, ngày 13/3/2020, với hạn mức thẻ tín dụng 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng; Thời hạn sử dụng thẻ đến tháng 03/2023, mức lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí căn cứ vào bảng các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Đặng Thành V đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng A theo thỏa thuận. Do đó ngày 20/7/2021 Ngân hàng A đã chuyển khoản nợ thẻ của ông Đặng Thành V sang nợ quá hạn đồng thời chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông Đặng Thành V. Ngày 17/12/2021 Ngân hàng A ra thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt thẻ tín dụng nêu trên.

Nay Ngân hàng TMCP A yêu cầu ông Đặng Thành V thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ tính đến ngày 27/9/2022 là 81.505.035 (Tám mươi một triệu năm trăm lẻ năm ngàn không trăm ba mươi lăm) đồng (trong đó tiền nợ gốc là 58.454.970 đồng, tiền lãi quá hạn là 23.050.065 đồng), ông Đặng Thành V còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng A tính từ ngày 28/9/2022 đến ngày trả hết nợ, thanh toán làm 1 lần ngay khi bản án có hiệu lực.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và vẫn bảo lưu yêu cầu của mình như nói trên. Về tiền lãi suất kể từ ngày 28/9/2022, ông Đặng Thành V còn phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn ông Đặng Thành V trong suốt quá trình chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn không đến, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án và ý kiến của Viện Kiểm sát về yêu cầu giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực

hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Đối với bị đơn đã được tòa tổng đạt hợp lệ nhưng không đến. Và trong phiên tòa hôm nay bị đơn cũng không có mặt. Do đó đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị Hội đồng xét xử **chấp nhận** yêu cầu của nguyên đơn .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản phát sinh từ quan hệ hợp đồng dân sự về vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Đặng Thành V cư trú trên địa bàn thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn Ngân hàng A có đơn yêu cầu vắng mặt, bị đơn ông Đặng Thành V vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

Trong quá trình xét xử vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bị đơn là ông Đặng Thành V thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng vay tài sản mà không yêu cầu cá nhân nào khác phải liên đới trả số tiền trên cùng với bị đơn. Vấn đề này Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với chủ thể của hợp đồng vay tài sản, mục đích vay tài sản **là sử dụng thẻ tín dụng để tiêu dùng** và bị đơn không có ý kiến gì nên HĐXX không xem xét đến trách nhiệm thanh toán tiền vay còn nợ của người nào khác.

[2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 27/9/2022 là **81.505.035 (Tám mươi một triệu năm trăm lẻ năm ngàn không trăm ba mươi lăm) đồng** (trong đó tiền nợ gốc là **58.454.970 đồng**, tiền lãi quá hạn là **23.050.065 đồng**).

Vấn đề này HĐXX thấy rằng: Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 12/3/2020 thì bị đơn đã đề nghị nguyên đơn cấp thẻ tín dụng và theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của nguyên đơn, bị đơn được cấp thẻ số 4365991000465345 ngày 13/3/2020, với hạn mức thẻ tín dụng 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Sau khi

được cấp thẻ và sử dụng thì bị đơn đã không thanh toán tiền đầy đủ cho nguyên đơn theo thỏa thuận giữa hai bên. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ của mình đối với nguyên đơn, căn cứ theo Điều 466 Bộ Luật Dân Sự 2015 “Nghĩa vụ trả nợ của bên vay” là không thanh toán tiền đúng hạn cho nguyên đơn và nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như trong thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là **81.505.035 (Tám mươi một triệu năm trăm lẻ năm ngàn không trăm ba mươi lăm) đồng tính đến ngày 27/9/2022**, là có cơ sở pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Về cách trả: Bị đơn vi phạm hợp đồng và đã lâu, gây trở ngại cho hoạt động bình thường của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán làm 1 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, nên HĐXX ghi nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Về tiền lãi: Ngân hàng A yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi quá hạn từ ngày **28/9/2022** cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn. Xét, lãi suất áp dụng giữa các bên thỏa thuận là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng là có cơ sở pháp luật, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu về tiền lãi suất của nguyên đơn.

[3] Đối với bị đơn, trong suốt quá trình chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn không đến và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử không xem xét gì thêm.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; **điểm a khoản 1 Điều 39**; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Đặng Thành V.

Buộc ông Đặng Thành V trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền **81.505.035 (Tám mươi một triệu năm trăm lẻ năm ngàn không trăm ba mươi lăm) đồng**, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày **28/9/2022**, ông Đặng Thành V **còn phải thanh toán cho** Ngân hàng Thương mại cổ phần A tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm **4.075.252 (Bốn triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm năm mươi hai) đồng** buộc ông Đặng Thành V phải chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A toàn bộ số tiền tạm ứng án phí **1.780.000 (Một triệu bảy trăm tám mươi ngàn) đồng**, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0027067 ngày 10/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.X;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án ND TP.HCM;
- Chi cục THADS TP.X;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Loan

